

UBND TỈNH THANH HÓA
BAN QUẢN LÝ
KHU KINH TẾ NGHI SƠN
VÀ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP

Số: 310 /GPMT-BQLKKTNS&KCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hóa, ngày 26 tháng 7 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ NGHI SƠN VÀ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ các nghị định của Chính phủ: số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 sửa đổi bổ sung Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường): số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 về sửa đổi bổ sung Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT;

Căn cứ các quyết định của UBND tỉnh: số 50/QĐ-UBND ngày 14/10/2022 về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp, tỉnh Thanh Hóa; số 19/2024/QĐ-UBND ngày 20/6/2024 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 50/2022/QĐ-UBND ngày 14/10/2022; số 22/2025/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 sửa đổi khoản 3 Điều 1 Quyết định số 19/2024/QĐ-UBND ngày 20/6/2024 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 50/2022/QĐ-UBND ngày 14/10/2022; số 1026/QĐ-UBND ngày 24/3/2022 về việc ủy quyền thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường các dự án đầu tư tại Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ quyết định số 67/QĐ-BQLKKTNS&KCN ngày 12/04/2017 của Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các KCN về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án: “Mở rộng, nâng cấp Cảng tổng hợp Quốc tế Nghi Sơn” tại Khu kinh tế Nghi Sơn, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ các quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường): số 1130/QĐ-BTNMT ngày 09/4/2018 về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án: “Đầu tư nâng cấp, cải tạo, khai thác và

kinh doanh các bến cảng số 1, 2- Bến cảng tổng hợp quốc tế Nghi Sơn” tại Khu kinh tế Nghi Sơn, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa”; số 1061/QĐ-BTNMT ngày 02/05/2019 về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án: “Đầu tư nâng cấp, cải tạo, khai thác và kinh doanh các bến cảng số 3, 4, 5 – Cảng tổng hợp quốc tế Nghi Sơn” tại Khu kinh tế Nghi Sơn, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào giấy xác nhận số 38/GXN-BTNMT ngày 10/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) về việc xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường của Dự án “Cảng Quốc tế Nghi Sơn”;

Căn cứ vào giấy phép số 133/GP-UBND ngày 06/8/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc xả nước thải vào vùng nước ven biển bờ khu vực xã Hải Hà, thị xã Nghi Sơn.

Xét Văn bản số 033/CV.25/NSIP-BGD của Công ty TNHH Cảng Quốc tế Nghi Sơn về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường: Bến cảng Quốc tế Nghi Sơn tại Khu cảng tổng hợp số 2- cảng biển Nghi Sơn thuộc phường Hải Thượng và xã Hải Hà tỉnh Thanh Hóa (nay là phường Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa), và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần tập đoàn VAS Nghi Sơn, địa chỉ tại Khu liên hợp Gang thép Nghi Sơn - Khu kinh tế Nghi Sơn, phường Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Cơ sở: “Bến cảng Quốc tế Nghi Sơn” có địa chỉ tại Khu cảng tổng hợp số 2 - cảng biển Nghi Sơn thuộc thôn Hà Tân, phường Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Bến Cảng Quốc tế Nghi Sơn

1.2. Địa điểm hoạt động: Khu cảng tổng hợp số 2 - cảng biển Nghi Sơn thuộc thôn Hà Tân, phường Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, Mã số doanh nghiệp: 2801115888, đăng ký lần đầu ngày 24/12/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 30/12/2022 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp.

1.4. Mã số thuế: 2801115888.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Xây dựng bến cảng nhằm phục vụ nhu cầu xuất nhập khẩu hàng hóa.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Tổng diện tích: 36,76726ha (gồm 06 bến: 1,2,2A,3,4,5).

- Nhóm dự án: Dự án nhóm A (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Cơ sở thuộc số thứ tự 04 mục II - Phụ lục IV theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

- Công suất của cơ sở được cấp phép: khoảng 12 triệu tấn hàng hóa/năm.

Trong đó:

+ Cầu cảng số 1, 2: có chiều dài mỗi cầu 250m, chiều rộng 27m; tiếp nhận tàu trọng tải đến 100.000DWT ra/vào làm hàng.

+ Cầu cảng 2A: có chiều dài 147m; tiếp nhận tàu có trọng tải đến 20.000 DWT ra/vào làm hàng.

+ Cầu cảng số 3, 4: có chiều dài mỗi cầu là 300m; tiếp nhận tàu tổng hợp trọng tải 100.000 DWT ra/vào làm hàng.

+ Cầu cảng số 5: có chiều dài là 250m; tiếp nhận tàu tổng hợp trọng tải 100.000 DWT ra/vào làm hàng.

- Quy trình công nghệ sản xuất của cơ sở:

* Công nghệ bốc xếp hàng tổng hợp:

+ Hàng tổng hợp (đóng bao, kiện, thùng, thiết bị) → Cầu trên tàu hỗ trợ bốc xếp ↔ Cần trục vạn năng (Phụ trợ: pallet, dây chèo, kiện có bánh xe...) ↔ Vận chuyển (ô tô tải, xe nâng...) ↔ Kho, bãi.

+ Công nghệ bốc xếp hàng rời:

(1) Từ tàu vào kho, bãi: Hàng rời tại tàu → Sử dụng cần trục bốc đổ vào phễu đặt dọc bến → Hệ thống đóng bao tự động hoặc băng chuyền → Xe tải vận chuyển → kho, bãi.

(2) Từ kho, bãi ra tàu:

Hàng rời (đường kính, khoáng sản, nông sản, lâm sản...) → Sử dụng cần trục chân đế chạy trên ray hoặc cầu bánh xích để bốc, xếp → Xe vận chuyển → Tàu biển.

Hàng rời (dăm gỗ được xe vận chuyển từ nhà máy đến Cảng) → Băng tải (*) → Tàu biển.

(*) Hàng chưa kịp lên băng tải (do số lượng hàng lớn) → Đổ xuống bãi → Băng tải → Tàu biển.

+ Công nghệ xếp dỡ hàng hóa container: Hàng container ↔ Sử dụng cần cẩu chân đế; cầu trục, xe nâng để bốc, dỡ (Phụ trợ: dây cáp, ngáng cầu, gầu ngoạm, phễu đóng gói, băng tải...) ↔ Vận chuyển (ô tô tải, xe nâng...) ↔ Kho, bãi.

* Sửa chữa, bảo trì định kỳ các phương tiện – thiết bị, công cụ, hệ thống kỹ thuật, công trình – thiết bị hàng hải, hạng mục – cơ sở hạ tầng:

(1) Bảo trì, bảo dưỡng định kỳ: Lên kế hoạch → Lập phiếu đề nghị → Thực hiện kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng.

(2) Sửa chữa sự cố, hư hỏng trong ca làm việc: Đơn vị phát hiện sự cố thông tin đến đơn vị sửa chữa → Đề nghị sửa chữa → Tiến hành sửa chữa → Hoàn tất hồ sơ sửa chữa.

* Quy trình khai thác và kinh doanh: Tiếp nhận và kiểm tra hàng hóa → Xếp dỡ hàng hóa → Lưu trữ và dịch vụ kho, bãi → Quản lý vận hành Cảng → Kinh doanh dịch vụ → Thu phí và quản lý tài chính.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần tập đoàn VAS Nghi Sơn được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần tập đoàn VAS Nghi Sơn có trách nhiệm:

2.1. Thực hiện đúng, đầy đủ các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường sau khi được cấp giấy phép môi trường.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ

rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **7 năm** (Kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành đến ngày.... thángnăm 2032).

Điều 4. Giao phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường của Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các KCN tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công ty CP tập đoàn VAS Nghi Sơn (t/hiện);
- Trưởng ban, các PTB;
- UBND tỉnh Thanh Hóa (để b/cáo);
- Sở Nông nghiệp và Môi trường Thanh Hóa (p/hợp);
- UBND phường Nghi Sơn (p/hợp);
- Lưu: VT, TNMT (Lytt).

**KT. TRƯỞNG BAN
PHỤ TRƯỞNG BAN**



Trần Chí Thanh

MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BQLKKTNS&KCN
ngày tháng năm 2025 của Ban Quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

+ Nguồn số 01: Nước thải phát sinh từ các nhà vệ sinh khu vực nhà điều hành, bếp ăn với lưu lượng khoảng $40 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

+ Nguồn số 02: Nước thải phát sinh tại trạm rửa xe lưu lượng khoảng $2,5 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

+ Nguồn số 03: Nước thải phát sinh từ nhà vệ sinh trên bến cảng với lưu lượng khoảng $5,0 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

+ Nguồn số 04: Nước thải phát sinh từ nhà vệ sinh Container trên bến cảng với lưu lượng khoảng $2,5 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Vùng nước biển ven bờ phường Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa

2.2. Vị trí xả nước thải:

Tọa độ vị trí xả nước thải ra vùng nước biển ven bờ phường Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 105^0 , múi chiếu 3^0) như sau:

+ Nước thải sau xử lý tại trạm xử lý nước thải công suất $40 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ (Tại khu vực nhà điều hành, bếp ăn) xả theo cửa xả số 1: $X(m) = 2136481,92$; $Y(m) = 584311,04$.

+ Nước thải sau xử lý tại trạm xử lý nước thải công suất $10 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ (Tại khu vực bến) xả theo cửa xả số 2: $X(m) = 2136558,39$; $Y(m) = 584815,92$.

- Điểm xả nước thải có biển báo theo quy định, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất đề nghị cấp phép: $50 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$, bao gồm:

+ Dòng thải số 1: có lưu lượng lớn nhất là $40 \text{ m}^3/\text{ngày}$ (Trạm xử lý nước thải tập trung công suất $40 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ tại khu vực nhà điều hành, bếp ăn).

+ Dòng thải số 2: Có lưu lượng lớn nhất là $10 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ (Trạm xử lý nước

thải tập trung công suất 10 m³/ngày.đêm tại khu vực bến cảng).

2.4. Phương thức đầu nổi nước thải:

+ Dòng thải số 1: Bơm cưỡng bức

+ Dòng thải số 2: Bơm cưỡng bức

2.5. Chế độ xả nước thải: Xả gián đoạn

2.6. Chất lượng nước thải:

- Dòng nước thải số 01 trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT (cột B; K = 1,2): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, kể từ ngày giấy phép có hiệu lực đến ngày 31/12/2031, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép theo	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5-9	Không thuộc trường hợp phải quan trắc môi trường nước thải	Không thuộc đối tượng phải lắp đặt
2	BOD ₅	mg/l	60		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120		
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.200		
5	Sulfua (Tính theo H ₂ S)	mg/l	4,8		
6	Amoni (Tính theo N)	mg/l	12		
7	Nitrat (NO ₃ ⁻)	mg/l	60		
8	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	24		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	12		
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻)	mg/l	12		
11	Coliforms	mg/l	5.000		

- Dòng nước thải số 01 phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2025/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, kể từ ngày 01/01/2032 đến thời điểm giấy phép này hết hiệu lực, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5 - 9	Không thuộc trường hợp phải quan trắc môi trường nước thải	Không thuộc đối tượng phải lắp đặt
2	BOD ₅	mg/l	≤35		
3	COD	mg/l	≤90		
4	TSS	mg/l	≤60		
5	Sunfua	mg/l	≤0,5		
6	Amoni (NH ₄ ⁺ -N)	mg/l	≤8,0		
7	Tổng N	mg/l	≤30		
8	Tổng P	mg/l	≤6,0		
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	≤15		
10	Chất HDBM anion	mg/l	≤5		
11	Coliform	MPN/100ml	≤5000		

- Dòng nước thải số 02 trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2011/BTNMT (cột B; Kq = 1,3; Kf = 1,2): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, kể từ ngày giấy phép có hiệu lực đến ngày 31/12/2031, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5,5 ÷ 9,0	Không thuộc trường hợp phải quan trắc môi trường nước thải	Không thuộc đối tượng phải lắp đặt
2	BOD ₅	mg/l	54		
3	COD	mg/l	162		
4	TSS	mg/l	108		
5	Amoni	mg/l	10,8		
6	Tổng N	mg/l	43,2		
7	Tổng P	mg/l	6,48		
8	Sunfua	mg/l	0,78		
9	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10,8		
10	Coliform	MPN/100ml	5000		

- Dòng nước thải số 02 trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp

ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2025/BTNMT (Cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, kể từ ngày 01/01/2032 đến thời điểm giấy phép này hết hiệu lực, áp dụng đối với lưu lượng xả thải $F \leq 2000\text{m}^3/\text{ngày}$, cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động
1	pH	-	6-9	Không thuộc trường hợp phải quan trắc môi trường nước thải	Không thuộc đối tượng phải lắp đặt
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	≤60		
3	COD	mg/l	≤90		
4	TSS	mg/l	≤80		
5	Tổng Coliform	MPN/ 100 ml	≤5000		
6	Dầu mỡ khoáng	mg/l	≤5		
7	Amoni	mg/l	≤10		
8	Tổng N	mg/l	≤40		
9	Tổng P	mg/l	≤6,0		
10	Sunfua	mg/l	≤0,5		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nguồn thải số 01: Là nguồn nước thải sinh hoạt từ các nhà vệ sinh khu vực nhà điều hành, nước thải bếp ăn. Nước thải từ khu nhà vệ sinh → 02 Bể tự hoại (8,06 m³/bể) → Đường ống PVC D90-114 → Hố gom tập trung nước thải → Đường ống PVC D300 → Trạm xử lý nước thải công suất 40 m³/ngày.đêm; Nước thải bếp ăn → Bể tách dầu mỡ (2,4m³) → Đường ống PVC D90-114 → Hố gom tập trung nước thải → Đường ống PVC D300 → Trạm xử lý nước thải công suất 40 m³/ngày.đêm

- Nguồn thải số 02: Là nguồn nước thải phát sinh từ trạm rửa xe được thu gom và dẫn vào 01 bể thu gom+ điều hòa có dung tích 9,7 m³ → Bể tách dầu (0,0456m³) → Bể trung gian 3m³ → Cột lọc cát → Bể trộn chung của trạm xử lý nước thải (bể điều hòa 5,6m³) → Trạm xử lý nước thải công suất 10m³/ngày.đêm.

- Nguồn thải số 03: Là nguồn nước thải phát sinh từ khu vệ sinh WC trên bến cảng được thu gom về bể tự hoại có dung tích $6,5 \text{ m}^3$ → Hố ga thu gom nước thải → Đường ống PVC D34 → Bể trộn chung nước thải (bể điều hòa $5,6 \text{ m}^3$) → Trạm xử lý nước thải công suất $10 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

- Nguồn số 04: Là nguồn nước thải phát sinh từ nhà vệ sinh Container trên bến cảng → Bể trộn chung nước thải (bể điều hòa $5,6 \text{ m}^3$) → Trạm xử lý nước thải công suất $10 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Bể tự hoại: 03 bể có tổng dung tích $22,5 \text{ m}^3$
- + Bể tự hoại khu vực nhà điều hành, bếp ăn: 02 bể có dung tích $8,06 \text{ m}^3/\text{bể}$.
- + Bể tự hoại khu vực bến cảng: 01 bể dung tích $6,5 \text{ m}^3$.
- Bể tách dầu mỡ khu vực bếp ăn: 01 bể có dung tích $2,4 \text{ m}^3$.
- Công trình xử lý sơ bộ nước thải rửa xe:
 - + Bể thu gom+ điều hòa: 01 bể dung tích $9,7 \text{ m}^3$.
 - + Bể tách dầu: 01 bể dung tích $0,045 \text{ m}^3$.
 - + Bể trung gian: 01 bể dung tích 3 m^3 .
 - + Cột lọc: 01 cột lọc cát
- Hệ thống xử lý nước thải tập trung: 02 trạm xử lý nước thải tập trung gồm:
 - + Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất $40 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ (khu vực nhà điều hành, bếp ăn) sơ đồ xử lý như sau: Nước thải → Bể tách dầu mỡ → Bể điều hòa → Bể hiếu khí → Bể thiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể trung gian → Bình lọc áp lực → Bể khử trùng → Vùng nước biển ven bờ phường Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.
 - + Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất $10 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ (khu vực bến cảng) sơ đồ xử lý như sau: Nước thải → Bể trộn chung nước thải (bể điều hòa) → Bể xử lý SBR → Cột lọc cát → Vùng nước biển ven bờ phường Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH, PAC, đường trắng, đạm ure, DAP, cám gạo, rỉ mật tổng hợp, canxi hypochlorua, men vi sinh (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.6 phần A của Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ nạo vét hệ thống mương rãnh thu gom nước thải; hố ga; bể tự hoại

của hệ thống xử lý nước thải tập trung. Tần suất nạo vét:

- + Mương rãnh, hố ga: 03 tháng/lần.
- + Hút bùn cặn trong các bể xử lý: Bể tự hoại, bể thu gom; bể chứa bùn (1 lần/năm).
- Thường xuyên kiểm tra các đường ống thu gom nước thải để phát hiện ra tình trạng hư hỏng, rò rỉ hoặc tắc nghẽn và kịp thời sửa chữa, thay thế.
- Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải tập trung của cơ sở.

Cụ thể:

- + Tại hố ga: Hàng ngày kiểm tra các song chắn rác để tránh tình trạng rác bám vào song chắn rác quá nhiều gây tắc nghẽn nước vào hệ thống.
- + Bể khử trùng: Thường xuyên kiểm tra các thiết bị pha chế hóa chất, máy khuấy, hóa chất để đảm bảo các thiết bị khử trùng vẫn hoạt động tốt.
- + Định kỳ kiểm tra đường ống, van khóa như: độ kín, hở của van khóa, khả năng đóng mở của van khóa; hiện tượng rò rỉ đường ống,...
- Trong trường hợp một hoặc cả hai hệ thống xử lý nước thải bị hư hỏng, gặp sự cố mà chưa thể kịp thời khắc phục thì toàn bộ lượng nước thải được lưu giữ trong hệ thống, trong trường hợp hệ thống hết chỗ chứa, Cơ sở hợp đồng đơn vị có chức năng mang đi xử lý, đồng thời nhanh chóng khắc phục hệ thống. Sau khi hệ thống xử lý nước thải hoạt động trở lại, bơm quay vòng nước thải để xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.6 phần A của Phụ lục này mới thải ra môi trường tiếp nhận.
- Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật. Nhân viên kỹ thuật vận hành hệ thống phải được tập huấn và thao tác đúng cách khi có sự cố phát sinh và luôn có mặt tại vị trí vận hành.
- Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.
- Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý nước thải bảo đảm hệ thống hoạt động ổn định.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Cơ sở thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải theo quy định tại khoản 3 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường đối với trạm xử lý nước thải công suất $10\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$.

2.2. Thời gian vận hành thử nghiệm: Không quá 06 tháng kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

2.3. Công trình vận hành thử nghiệm: Trạm xử lý nước thải tập trung công suất

10 m³/ngày.

2.3.1. Vị trí lấy mẫu:

+ Mẫu nước thải đầu vào Trạm xử lý nước thải tập trung (Tại bể trộn chung nước thải).

+ Mẫu nước thải đầu ra Trạm xử lý nước thải (Tại bể chứa lấy mẫu nước thải sau xử lý).

2.3.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Trong quá trình vận hành thử nghiệm, công ty phải giám sát các chất ô nhiễm trong nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép quy định tại Mục 2.6 Phần A của Phụ lục này trước khi xả ra môi trường tiếp nhận.

2.3.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại khoản 05 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 8 Điều 1 Thông tư 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025, cụ thể như sau: Ít nhất 3 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý nước thải (01 mẫu nước thải đầu vào và 03 mẫu nước thải đầu ra).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại phần A phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nhân lực, nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.3. Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung phải có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải (gồm: Lưu lượng đầu vào và đầu ra; lượng điện tiêu thụ; lượng hóa chất sử dụng...). Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty Cổ phần tập đoàn VAS Nghi Sơn có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 7 và 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

3.4. Công ty Cổ phần tập đoàn VAS Nghi Sơn chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc xả nước thải ra môi trường không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này.

3.5. Trường hợp gây sự cố môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường trong quá trình vận hành, Cơ sở phải dừng ngay hoạt động xả thải và báo cáo kịp thời đến UBND tỉnh, Ban quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN tỉnh Thanh Hóa, UBND

phường Nghi Sơn để được hướng dẫn, giải quyết; chịu trách nhiệm khắc phục sự cố môi trường, bồi thường thiệt hại và bị xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.



Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BQLKKTNS&KCN ngày tháng năm 2025 của Ban Quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

Cơ sở không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với khí thải theo quy định tại Điều 39 Luật bảo vệ môi trường.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn phát sinh bụi từ công đoạn tập kết, bốc xếp hàng hóa.
- Nguồn phát sinh bụi khí thải từ hoạt động của các phương tiện vận chuyển.
- Nguồn phát sinh bụi, khí thải từ hoạt động của phương tiện ứng phó sự cố (tàu lai dắt, cano...)
- Nguồn phát sinh bụi khí thải từ hoạt động của máy móc thiết bị.
- Nguồn phát sinh bụi, khí thải từ máy phát điện dự phòng.
- Nguồn phát sinh mùi từ các công trình thu gom và xử lý nước thải.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các máy móc, thiết bị hoạt động trong khu vực bến cảng được định kỳ bảo dưỡng, bảo trì theo khuyến cáo của nhà sản xuất và đơn vị cung cấp, không sử dụng nhiên liệu đã qua sử dụng.

2.2. Định kỳ vệ sinh, thu gom bùn cặn từ các hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thu gom thoát nước mưa trên bến; thường xuyên vệ sinh tuyến đường nội bộ ra vào cảng, tuyến đường tại các khu vực bãi lưu chứa.

2.3. Đảm bảo bố trí nhân viên vệ sinh văn phòng, kho, bãi lưu chứa sau mỗi ca làm việc; trang bị bảo hộ lao động cho công nhân gồm mũ, khẩu trang... để ảnh hưởng hạn chế ảnh hưởng của bụi, khí thải đến sức khỏe của công nhân viên làm việc tại cảng.

2.4. Bố trí, sắp xếp thời gian, tần suất phun sương, tưới nước dập bụi thường xuyên, đặc biệt trong những ngày nắng nóng.

2.5. Trồng cây xanh cách ly tại các khu vực trạm xử lý nước thải, khu văn phòng, dọc tuyến đường giao thông nội bộ, tường rào đảm bảo tỷ lệ tối thiểu. Trong đó, ưu tiên các loại cây có khả năng hút bụi, giảm tiếng ồn,...

2.6. Công ty Cổ phần tập đoàn VAS Nghi Sơn chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 3**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BQLKKTNS&KCN
ngày tháng năm 2025 của Ban Quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Tiếng ồn, độ rung phát sinh do máy móc thiết bị làm việc tại Cảng (Gầu ngoạm, máy xúc lật, xe nâng, xe vận tải...).
- Nguồn số 02: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa máy móc thiết bị tại xưởng sửa chữa.
- Nguồn số 03: Tiếng ồn, độ rung phát sinh do hoạt động của máy phát điện dự phòng.
- Nguồn số 04: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ các máy thổi khí, máy bơm tại Trạm xử lý nước thải 40m³/ngày.đêm.
- Nguồn số 05: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ các máy bơm tại Trạm xử lý nước thải 10m³/ngày.đêm.

2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo ⁽¹⁾QCVN 24:2016/BYT – Quy chuẩn quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; ⁽²⁾QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

2.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

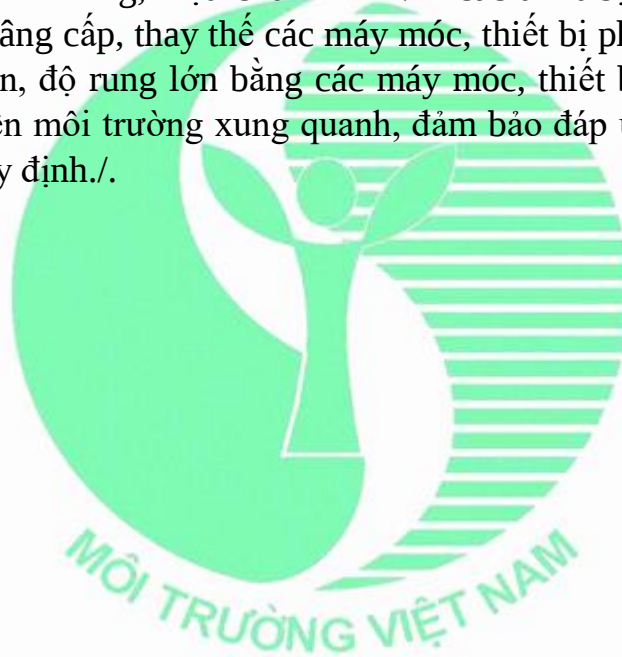
- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Bảo dưỡng, kiểm tra định kỳ hệ thống thiết bị, máy móc, máy phát điện. Đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Lắp đặt đệm cao su cho các động cơ để giảm thiểu chấn động trong quá trình vận hành. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn để giảm thiểu độ rung.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung. Nâng cấp, thay thế các máy móc, thiết bị phụ trợ (khi xuống cấp) có phát sinh tiếng ồn, độ rung lớn bằng các máy móc, thiết bị hiện đại giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đến môi trường xung quanh, đảm bảo đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật môi trường quy định./.



Phụ lục 4**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ
CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BQLKKTNS&KCN
ngày tháng năm 2025 của Ban Quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chứng loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải nguy hại	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Giẻ lau thải nhiễm thành phần nguy hại	18 02 01	5.600
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	70
3	Các loại dầu thải (dầu diesel thải)	15 01 07	70
4	Que hàn thải có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại	07 04 01	40
5	Bao bì cứng thải bằng kim loại	18 01 02	300
6	Dầu động cơ, dầu hộp số, dầu bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	7.500
7	Pin, ắc quy chì thải	19 06 01	600
8	Chất thải có chứa amiang (má phanh, má côn đã qua sử dụng....)	15 01 06	100
9	Hộp mực in thải	08 02 04	3
10	Cặn sơn thải	08 01 01	150
11	Bao bì cứng thải bằng nhựa	18 01 03	200
12	Nước thải lẫn dầu hoặc có thành phần nguy hại	15 02 12	500
Tổng cộng khối lượng CTNH:			15.133

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Tên chất thải rắn công nghiệp	Khối lượng (tấn/năm)
1	Gỗ, balet,...	5,5
2	Bao bì, thùng nhựa không chứa chất thải nguy hại	10
3	Dăm gỗ, vụn than, đá....	30
4	Lốp xe	10
5	Phế liệu (sắt, thép...)	20
	Tổng cộng:	75,5

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

STT	Tên chất thải	Số lượng (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	40,24

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: thùng có nắp đậy dung tích 240 lít và 660 lít

2.1.2. Khu vực lưu chứa: 01 kho diện tích 54 m².

+ Thiết kế, cấu tạo kho: Kho lưu giữ chất thải nguy hại có tường bao và mái che, nền bê tông chống thấm, có gờ ngăn ngừa sự cố rò rỉ chất lỏng ra môi trường bên ngoài; có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy.

+ Kho lưu chứa CTNH của cơ sở đáp ứng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ tài nguyên và môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường (dán nhãn cảnh báo tên của từng loại chất thải nguy hại, có lắp đặt hệ thống thiết bị chữa cháy; lắp đặt thiết bị thông gió). Chất thải nguy hại được định kỳ chuyển giao cho các đơn vị chức năng thu gom, xử lý.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: thùng có nắp đậy dung tích 660 lít.

2.2.2. Kho lưu chứa:

- 01 bãi chứa có tổng diện tích là 545,67m². Được chia thành các ngăn như sau: Khu vực tập kết Sắt phế liệu, Đai tôn có diện tích là 51m²; Khu vực tập kết Gỗ

thải có diện tích là 51m²; Khu vực tập kết Rác công nghiệp khác có diện tích là 51m²; Khu vực tập kết dăm gỗ bản có diện tích là 153 m² (Chia thành 03 khu, mỗi khu diện tích 51 m²).

- Nền ngăn chứa được đổ bê tông, các ngăn được phân tách với nhau bằng trụ bê tông giường gạch cao 1,2 m.

- Xung quanh bãi chứa tạm bố trí rãnh thu gom nước mưa chảy tràn về hố lắng 3 ngăn (thể tích 1,6m³) trước khi đầu nối về mương ngăn nước mưa khu vực xung quanh vào mặt bằng Cảng.

- Bãi lưu chứa chất thải rắn công nghiệp của cơ sở đáp ứng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường (có bờ bao, hệ thống thu gom, xử lý nước mưa chảy tràn, có cao độ nền đảm bảo không bị ngập lụt, không bị thấm thấu, đủ độ bền chịu được tải trọng của phương tiện vận chuyển và lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường lưu giữ).

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng nhựa có dung tích từ 40, 60, 240, 660 lít.

2.3.2. Kho lưu chứa: Cơ sở không bố trí kho chứa chất thải rắn sinh hoạt mà chất thải được thu gom vào các thùng chứa tại các vị trí xung quanh nội bộ Cảng. Chất thải rắn sinh hoạt được đơn vị đã Hợp đồng thu gom, vận chuyển đưa đi xử lý.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BQLKKTNS&KCN
ngày tháng năm 2025 của Ban Quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 về sửa đổi bổ sung Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 về sửa đổi bổ sung Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Quyết định số 13/2022/QĐ-UBND ngày 02/3/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa. Định kỳ chuyển giao chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định. Thực hiện quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt, y tế thông thường và nguy hại đảm bảo quy định, không gây ô nhiễm môi trường.

2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép môi trường này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Giảm thiểu chất thải phát sinh (nước thải, chất thải rắn...) thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả sản xuất, sản xuất sạch hơn.

4. Thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

5. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 4, do các thay đổi này không

thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường) hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

8. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới; quy định của pháp luật về quy hoạch, xây dựng và pháp luật có liên quan./.



UBND TỈNH THANH HÓA
BAN QUẢN LÝ
KHU KINH TẾ NGHI SƠN
VÀ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 319 /QĐ-BQLKKTNS&KCN

Thanh Hóa, ngày 07 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc đính chính một số nội dung tại Giấy phép môi trường số 310/GPMT-QLKKTNS&KCN ngày 26/7/2025 của Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp, tỉnh Thanh Hoá cấp cho Công ty Cổ phần tập đoàn VAS Nghi Sơn

TRƯỞNG BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ NGHI SƠN VÀ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP, TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi bổ sung Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi bổ sung Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 50/QĐ-UBND ngày 14/10/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp, tỉnh Thanh Hóa; Quyết định số 19/2024/QĐ-UBND ngày 20/6/2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 50/2022/QĐ-UBND ngày 14/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp, tỉnh Thanh Hóa; Quyết định số 22/2025/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 sửa đổi khoản 3 Điều 1 Quyết định số 19/2024/QĐ-UBND ngày 20/6/2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 50/2022/QĐ-UBND ngày 14/10/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp, tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 1026/QĐ-UBND ngày 24/3/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ủy quyền thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác

động môi trường; cấp giấy phép môi trường các dự án đầu tư tại Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Giấy phép môi trường số 310/GPMT-QLKKTNS&KCN ngày 26/7/2025 của Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp, tỉnh Thanh Hoá cấp cho Công ty Cổ phần tập đoàn VAS Nghi Sơn được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Bến cảng Quốc tế Nghi Sơn có địa chỉ tại Khu cảng tổng hợp số 2 - cảng biển Nghi Sơn thuộc thôn Hà Tân, phường Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Định chỉnh nội dung tại Điều 3 của Giấy phép môi trường số 310/GPMT-QLKKTNS&KCN ngày 26/7/2025 của Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp, tỉnh Thanh Hoá cấp cho Công ty Cổ phần tập đoàn VAS Nghi Sơn được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Bến cảng Quốc tế Nghi Sơn, cụ thể như sau:

Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (Kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2025 đến ngày 26 tháng 7 năm 2035)

Điều 2. Các nội dung khác giữ nguyên theo Giấy phép môi trường số 310/GPMT-QLKKTNS&KCN ngày 26/7/2025 của Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp, tỉnh Thanh Hoá.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và là bộ phận không thể tách rời của Giấy phép môi trường số 310/GPMT-QLKKTNS&KCN ngày 26/7/2025 của Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp, tỉnh Thanh Hoá.

Trưởng phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần tập đoàn VAS Nghi Sơn và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Trưởng ban (B/cáo);
- Sở Nông Nghiệp và Môi Trường;
- UBND phường Nghi Sơn;
- Công ty Cổ phần tập đoàn VAS Nghi Sơn;
- Lưu: VT, TNMT (Ly TT).

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Trần Chí Thanh